

Số: 1905/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 13 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Nhiệm vụ, dự toán kinh phí lập Quy hoạch chung
xã Lai Đồng, tỉnh Phú Thọ đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày
11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định 145/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính
phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân
quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của
Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;
Sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ
trưởng Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và
nông thôn; Sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09 tháng 12
năm 2025 của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ
trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho
hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 836 /QĐ-BXD ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây
dựng Về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông
thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2468/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Phú Thọ thời kỳ
2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2025 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ ban hành Quy định quản lý quy hoạch đô thị và
nông thôn, kiến trúc trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 237/BC-SXD ngày

21 tháng 4 năm 2026; Văn bản số 5321/SXD-QHKT ngày 22 tháng 5 năm 2026; của Ủy ban nhân dân xã Lai Đồng tại Tờ trình 28/TTr-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt Nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập Quy hoạch chung xã Lai Đồng, tỉnh Phú Thọ đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000 với những nội dung như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xã Lai Đồng, tỉnh Phú Thọ đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000.

2. Đơn vị tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch: UBND xã Lai Đồng.

3. Đơn vị tư vấn: Trung tâm Kiểm định và Tư vấn xây dựng Phú Thọ.

4. Phạm vi ranh giới, quy mô và thời hạn lập quy hoạch

a) Phạm vi ranh giới lập quy hoạch:

- Phía Bắc giáp xã Thu Cúc.
- Phía Tây giáp tỉnh Sơn La.
- Phía Nam giáp xã Xuân Đài.
- Phía Đông giáp xã Tân Sơn.

b) Quy mô lập quy hoạch: Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch thuộc địa giới hành chính toàn xã Lai Đồng, tỉnh Phú Thọ. Diện tích khoảng 10.844,68ha.

c) Thời hạn Quy hoạch chung xã Lai Đồng, tỉnh Phú Thọ: đến năm 2045.

5. Quan điểm, mục tiêu quy hoạch

a) Quan điểm:

Phát triển không gian xã Lai Đồng phải phù hợp và thống nhất trong hệ thống quy hoạch cấp trên, cụ thể hóa định hướng phát triển của tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050. Hướng tới phát triển hài hòa, cân đối giữa khu dân cư - nông nghiệp - du lịch - hạ tầng - môi trường, đảm bảo kết nối vùng. Phát triển bền vững, bảo tồn giá trị tự nhiên và văn hóa bản địa. Phát huy tiềm năng rừng, cảnh quan đồi núi trung du, bản sắc dân tộc Mường - Dao làm nền tảng phát triển. Quy hoạch xây dựng phải hạn chế tác động xấu đến môi trường, bảo vệ rừng đầu nguồn, suối, khe và hệ sinh thái tự nhiên. Đảm bảo cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo tồn tài nguyên, hướng đến mô hình xã nông thôn sinh thái - du lịch cộng đồng. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, gắn với chương trình nông thôn mới nâng cao. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật và xã hội theo hướng đồng bộ, liên thông, tiết kiệm đất và phù hợp điều kiện địa hình trung du. Ưu tiên các công trình thiết yếu: giao thông, cấp nước, điện, xử lý rác, thông tin - viễn thông, công trình công cộng, nhà văn hóa, thể thao, giáo dục, y tế. Xây dựng trung tâm hành chính - dịch vụ xã làm hạt nhân phát triển không gian.

b) Mục tiêu quy hoạch:

- Quy hoạch chung xã Lai Đồng nhằm xây dựng mô hình xã nông thôn sinh thái, phát triển bền vững, có cơ cấu không gian hợp lý, hạ tầng đồng bộ, môi trường trong lành, cảnh quan đẹp, đời sống người dân nâng cao. Làm cơ sở để quản lý phát triển không gian, thu hút đầu tư, sử dụng hiệu quả đất đai và nguồn lực, thúc đẩy kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ môi trường và an ninh quốc phòng.

- Hoàn thiện trung tâm hành chính - văn hóa - dịch vụ xã. Cải tạo, mở rộng khu dân cư hiện hữu và hình thành các khu dân cư tập trung mới tại vùng bằng, thuận lợi giao thông. Bố trí quỹ đất hợp lý cho sản xuất nông nghiệp, du lịch cộng đồng, công trình hạ tầng xã hội. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng: nông nghiệp, công nghiệp - TTCN, dịch vụ - du lịch. Hạ tầng kỹ thuật - xã hội: 100% tuyến đường trục xã, liên thôn được cứng hóa; 100% hộ có điện và nước sạch sinh hoạt. Hoàn thiện mạng lưới trường học, trạm y tế, nhà văn hóa, chợ nông thôn đạt chuẩn. 100% rác thải được thu gom, xử lý đúng quy định; tỷ lệ che phủ rừng $\geq 55\%$. Môi trường và cảnh quan: Giữ gìn hệ thống rừng đầu nguồn, hành lang xanh, suối tự nhiên. Hình thành các không gian công cộng xanh, khu cây xanh, khu du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng. Xây dựng xã xanh - sạch - đẹp, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

6. Tính chất: Là xã Trung du miền núi phía Bắc của tỉnh Phú Thọ, phát triển nông, lâm nghiệp vùng cao kết hợp văn hóa, du lịch cộng đồng, là trung tâm thương mại, phiên chợ của khu vực vùng cao và cửa ngõ giao lưu kinh tế, văn hóa xã hội giữ tỉnh Phú Thọ và tỉnh Sơn La qua Quốc Lộ 32A.

7. Dự kiến các chỉ tiêu cơ bản áp dụng trong đồ án về quy mô dân số, nhu cầu sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật

a) Quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng năm 2025: 16.241 người.

- Dự báo đến năm 2045: Khoảng 20.000 người.

(Quy mô dân số cụ thể sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập đồ án).

b) Các chỉ tiêu về đất đai, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật chủ yếu trong khu vực quy hoạch: Các chỉ tiêu về đất đai, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật chủ yếu sẽ được áp dụng cụ thể trong quá trình lập đồ án quy hoạch đảm bảo phù hợp theo các quy định của QCVN 01:2021/BXD “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng”; QCVN 07:2023/BXD “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật” và tiêu chuẩn hiện hành.

8. Các yêu cầu cần nghiên cứu đối với các nội dung quy hoạch

8.1. Yêu cầu về mức độ khảo sát, thu thập tài liệu, số liệu, đánh giá hiện trạng

a) Yêu cầu về điều tra khảo sát, thu thập tài liệu, số liệu:

- Các tài liệu, số liệu về hiện trạng khu vực lập quy hoạch khi thu thập, điều tra khảo sát hiện trạng để làm cơ sở lập đồ án quy hoạch chung xã cần đảm bảo cập nhật số liệu mới nhất để phân tích, đánh giá đúng và đầy đủ các điều kiện tự

nhiên, kinh tế - xã hội, dự báo nhu cầu phát triển, quy mô của đồ án.

- Các tài liệu, số liệu được thu thập từ nguồn đáng tin cậy.

b) Yêu cầu về đánh giá hiện trạng

- Đánh giá đúng và đầy đủ các điều kiện tự nhiên (địa hình, địa chất, thủy văn, tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu...).

- Điều tra, đánh giá hiện trạng dân cư, đất đai và sự biến động về dân số trong vùng lập quy hoạch.

- Đánh giá về hiện trạng sử dụng đất và quản lý đất đai; hiện trạng hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi quy hoạch và các vùng có liên quan.

- Điều tra, đánh giá hiện trạng các chương trình, dự án đầu tư phát triển đối với vùng lập quy hoạch.

- Đánh giá công tác quản lý thực hiện các quy hoạch, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn xã.

8.2. Yêu cầu nghiên cứu về các nội dung của quy hoạch chung

a) Đánh giá tổng quát về thực trạng và tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội

- Dự báo quy mô dân số, lao động theo các giai đoạn quy hoạch 5 năm, 10 năm và 20 năm.

- Dự báo loại hình, tính chất kinh tế chủ đạo như: Công nghiệp trọng điểm, kinh tế thương mại; Nông nghiệp phụ trợ; Định hướng phát triển trung tâm xã; quy mô sản xuất, sản phẩm chủ đạo, khả năng thị trường định hướng giải quyết đầu ra.

- Xác định tiềm năng đất đai phục vụ cho việc chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất phục vụ dân cư, công trình hạ tầng và sản xuất.

- Xác định quy mô đất xây dựng cho từng loại công trình công cộng, dịch vụ cấp xã, thôn, bản; quy mô và chỉ tiêu đất ở cho từng điểm dân cư nông thôn.

b) Các yếu tố tác động đến phát triển không gian

- Xác định nguyên tắc, yêu cầu tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan đối với khu chức năng, trục đường chính, không gian mở, điểm nhấn, khu trung tâm.

- Xác định các yếu tố tác động của vùng xung quanh ảnh hưởng đến phát triển không gian trên địa bàn xã.

c) Rà soát, đánh giá các dự án còn hiệu lực

- Trong quá trình lập quy hoạch chung, cần rà soát, đánh giá các dự án còn hiệu lực trên địa bàn xã (nếu có).

d) Tổ chức không gian tổng thể toàn xã, tổ chức, phân bố các khu chức năng; hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất:

- Định hướng tổ chức không gian trung tâm xã, khu dân cư mới và cải tạo thôn, bản; Xác định quy mô dân số, tính chất, nhu cầu đất ở cho từng khu dân cư mới và thôn, bản.

- Hệ thống công trình công cộng, dịch vụ: Xác định vị trí, quy mô, định hướng kiến trúc cho các công trình công cộng, dịch vụ cấp xã, thôn, bản.

- Định hướng tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc khu dân cư mới và các thôn, bản cũ; xác định các chỉ tiêu quy hoạch, định hướng kiến trúc cho từng loại hình ở phù hợp với đặc điểm của địa phương.

- Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất và phục vụ sản xuất công nghiệp tập trung, làng nghề, khu vực sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Định hướng tổ chức kết hợp các khu chức năng khác trên địa bàn xã tuân thủ quy hoạch cấp trên, quy hoạch ngành, khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn (nếu có).

e) Quy hoạch sử dụng đất:

- Quy hoạch các loại đất trên địa bàn xã cập nhật phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện cũ, quy hoạch sử dụng đất thị trấn, xã cũ.

- Xác định diện tích đất cho nhu cầu phát triển theo các giai đoạn 5 năm, 10 năm và các thông số kỹ thuật chính cho từng loại đất, cụ thể: Đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp và các loại đất khác.

- Tổng hợp quy hoạch sử dụng đất theo Mục 7 - phụ lục I của Thông tư 16/2025/TT-BXD ngày 30/06/2025.

f) Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

- Định hướng quy hoạch xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi xã.

- Xác định khung hạ tầng phục vụ sản xuất như: đường nội đồng, kênh mương thủy lợi.

- Xác định vị trí, quy mô cho các công trình hạ tầng kỹ thuật gồm: đường trục xã, đường liên thôn, đường trục thôn, cao độ nền, cấp điện, cấp thoát nước, xử lý chất thải và nghĩa trang.

9. Hồ sơ sản phẩm

9.1. Bản đồ khảo sát địa hình tỷ lệ 1/5000 và Kết quả kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu theo Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ.

9.2. Hồ sơ quy hoạch

Thành phần và nội dung hồ sơ đồ án Quy hoạch chung được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng, đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025.

a) Phân bản vẽ:

STT	Tên bản vẽ	Tỷ lệ
1	Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng: Vị trí, ranh giới của xã; các mối quan hệ về tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường trong quy hoạch tỉnh có ảnh hưởng tới phạm vi quy hoạch	TL thích hợp
2	Bản đồ hiện trạng: Điều kiện tự nhiên, hiện trạng phân bố dân cư và sử dụng đất trong phạm vi quy hoạch; hiện trạng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh trên địa bàn	1/10.000
3	Bản đồ định hướng phát triển không gian: Xác định không gian phát triển khu dân cư nông thôn, đô thị (nếu có); khu chức năng cấp quốc gia, cấp tỉnh theo quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành; khu vực an ninh quốc phòng; khu vực phát triển trung tâm: hành chính, thương mại - dịch vụ, văn hóa, thể dục thể thao, nghiên cứu, đào tạo, y tế từ cấp tỉnh trở lên; vị trí trung tâm xã, trung tâm cụm xã (nếu có); khu vực phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và cơ sở kinh tế - kỹ thuật khác theo quy định	1/10.000
4	Bản đồ sử dụng đất quy hoạch theo các giai đoạn: Vị trí, quy mô, các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch theo các giai đoạn phát triển	1/10.000
5	Bản đồ định hướng hạ tầng kỹ thuật: Xác định mạng lưới, vị trí, quy mô các công trình hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh theo từng chuyên ngành gồm cao độ nền, giao thông, hệ thống điện, cấp nước, cung cấp năng lượng, thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang, hạ tầng viễn thông thụ động	1/10.000

b) Phần văn bản:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt quy hoạch chung xã và dự thảo Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc tổ chức lập quy hoạch chung xã;
- Quyết định phê duyệt các quy hoạch liên quan, Quyết định phê duyệt Quy hoạch chung xã trước (nếu có);
- Báo cáo kiểm tra chất lượng sản phẩm bản đồ khảo sát khu vực quy hoạch, tỷ lệ 1/10.000.
- Thuyết minh đồ án (có bảng biểu thống kê, phụ lục tính toán, hình ảnh minh họa và hệ thống sơ đồ, bản vẽ thu nhỏ khổ A3 với ký hiệu và ghi chú rõ ràng, được sắp xếp kèm theo nội dung cho từng phần của thuyết minh).
- Phụ lục kèm theo thuyết minh (các giải trình, giải thích, luận cứ bổ sung cho thuyết minh; bản vẽ minh họa; các số liệu tính toán). Phụ lục đính kèm các văn bản pháp lý liên quan;

- Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch: Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025.

- Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức và đại diện cộng đồng dân cư có liên quan về nội dung đồ án quy hoạch; Thông báo kết luận của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh Phú Thọ;

- Các văn bản pháp lý có liên quan;

- Đĩa CD, DVD hoặc USB lưu toàn bộ nội dung thuyết minh và bản vẽ quy hoạch.

9.3. Yêu cầu thể hiện hồ sơ quy hoạch theo hệ thống thông tin địa lý GIS

a) Các lớp dữ liệu

- Các lớp dữ liệu sẽ được chuyển đổi sang CSDL GIS gồm:

TT	Tên bảng dữ liệu	Dạng dữ liệu không gian
1	Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng	Ảnh geotiff
2	Bản đồ hiện trạng:	Vùng, đường, điểm
	Bản đồ hiện trạng điều kiện tự nhiên, hiện trạng phân bố dân cư và sử dụng đất trong phạm vi quy hoạch	Vùng, đường, điểm
	Bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật	Vùng, đường, điểm
3	Bản đồ định hướng phát triển không gian	Vùng, đường, điểm
4	Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật bao gồm:	Vùng, đường, điểm
	Bản đồ định hướng cao độ nền	
	Bản đồ định hướng hệ thống giao thông	
	Bản đồ định hướng hệ thống cấp điện	
	Bản đồ định hướng hệ thống cấp nước	
	Bản đồ định hướng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang	
	Bản đồ định hướng hạ tầng và viễn thông thụ động	
5	Bản đồ định sử dụng đất quy hoạch	Vùng, đường, điểm

- Thông tin của các đối tượng trên phải được lấy từ các nguồn: bản đồ, các biểu quy hoạch, quyết định và thuyết minh quy hoạch được phê duyệt.

b) Sản phẩm GIS:

- GIS hóa dữ liệu:

+ Định dạng: định dạng dữ liệu Shapefile và Geodatabase (gdb).

+ Hệ tọa độ VN2000.

- Số hóa, nắn chuyển các bản đồ:

- + Định dạng bàn giao: File GeoTiff; PDF.
- + Hệ tọa độ VN2000.
- Xây dựng hồ sơ số quy hoạch xây dựng: Sản phẩm được đóng gói theo đồ án.
- + Dữ liệu GIS hóa.
- + Dữ liệu số hóa và nắn chuyên.
- + Các văn bản tài liệu điện tử liên quan.
- Tích hợp lên hệ thống Thông tin và CSDL quy hoạch xây dựng tỉnh Phú Thọ <https://quyhoachxaydung.phutho.gov.vn>.

10. Các quy định về lấy ý kiến

- Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch đô thị và nông thôn có trách nhiệm lấy ý kiến trong quá trình lập nhiệm vụ, lập quy hoạch.
- Cơ quan thẩm định quy hoạch đô thị và nông thôn có trách nhiệm lấy ý kiến trong quá trình thẩm định quy hoạch.
- Nội dung lấy ý kiến: Là tài liệu thể hiện nội dung của quy hoạch chi tiết, bao gồm các bản vẽ, thuyết minh, quy định quản lý

11. Dự toán kinh phí và nguồn vốn lập quy hoạch

a) Chi phí lập đồ án quy hoạch: 550.075.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm năm mươi triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Trong đó:

- Chi phí lập quy hoạch:	366.120.000 đồng;
- Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch:	47.520.000 đồng;
- Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch:	5.094.000 đồng;
- Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch:	34.238.000 đồng;
- Chi phí quản lý nghiệp vụ lập đồ án quy hoạch:	33.107.000 đồng;
- Chi phí lấy ý kiến cộng đồng dân cư:	16.157.000 đồng;
- Chi phí công bố đồ án quy hoạch:	11.227.000 đồng;
- Chi phí lập hồ sơ quy hoạch theo hệ thống thông tin địa lý (GIS):	36.612.000 đồng.

b) Chi phí lập nhiệm vụ, khảo sát địa hình: Được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Quyết định số 135/2025/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của UBND tỉnh về ban hành quy định một số nội dung liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

c) Nguồn vốn khảo sát, lập quy hoạch: Nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ (Thực hiện theo Văn bản số 10451/UBND-KT12 ngày 02/12/2025 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc nguồn vốn triển khai lập quy hoạch chung 12 xã) và nguồn vốn xã Lai Động tự bố trí, cân đối từ nguồn ngân sách xã và các nguồn lực huy động hợp pháp để thực hiện lập quy hoạch.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Đơn vị tư vấn khảo sát, lập quy hoạch: Lựa chọn theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: UBND xã Lai Đồng.

- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban ngành của tỉnh.

- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng Phú Thọ.

- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh Phú Thọ.

- Thời gian thực hiện lập quy hoạch: Không quá 09 tháng kể từ ngày lựa chọn được đơn vị tư vấn khảo sát, lập quy hoạch.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Lai Đồng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thực hiện./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Việt Văn